**DỰ THẢO BỘ TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ THÔNG MINH BỀN VỮNG**

**– PHIÊN BẢN 1.0**

*(Kèm theo Công văn số /BXD-PTĐT ngày / /2024 của Bộ Xây dựng)*

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

Thực hiện Nghị quyết số 06NQ/TW ngày 24/12/2022 của Bộ Chính tri về về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 được Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cụ thể thực hiện Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018, đồng thời kế thừa kinh nghiệm phát triển đô thị thông minh của một số quốc gia trong khu vực và các tiêu chuẩn quốc tế liên quan.

Mục đích của việc xây dựng các tiêu chí đô thị thông minh nhằm để đặt ra các chuẩn mực để giám sát, đo lường và đánh giá hiệu quả quá trình xây dựng và phát triển đô thị thông minh, qua đó có thể đưa ra các định hướng cụ thể, các mục tiêu cần hướng đến. Tùy thuộc vào cách thức tiếp cận xây dựng và phát triển đô thị thông minh mà các quốc gia đặt ra các tiêu chí khác nhau để thực hiện. Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 được xây dựng trên cơ sở tham chiếu: các chỉ tiêu có liên quan đến phát triển đô thị thông minh tại các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ; các tiêu chuẩn quốc tế về đô thị thông minh, phát triển bền vững đã được chuyển dịch, ban hành ở Việt Nam; Bộ chỉ số (KPI) đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; các quy định chuyên ngành đã được các Bộ ngành ban hành; nghiên cứu khoa học của Bộ Xây dựng và đánh giá sự phù hợp với điều kiện thực tế phát triển đô thị của Việt Nam.

Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 gồm các nội dung chính như sau:

- Mục đích, phạm vi áp dụng

- Nguyên tắc áp dụng và các yêu cầu cơ bản

- Nội dung bộ tiêu chí

- Khuyến nghị trong quá trình áp dụng

Các Phụ lục kèm theo Hướng dẫn bao gồm:

- Phụ lục 01 – Sơ đồ thực hiện phát triển đô thị thông minh theo các cấp độ.

- Phụ lục 02 – Đánh giá đô thị thông minh theo cấp độ phát triển

- Phụ lục 03 – Tổng hợp danh mục các tiêu chí đô thị thông minh

**II. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI ÁP DỤNG**

**2.1. Mục đích**

- Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 là cơ sở để các chính quyền đô thị tham khảo trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị thông minh bền vững theo từng giai đoạn phù hợp với bối cảnh, điều kiện thực tế.

- Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 được sử dụng như một công cụ để theo dõi, đánh giá mức độ phát triển theo các cấp độ phát triển của đô thị thông minh.

- Kết quả đánh giá phát triển đô thị thông minh theo Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 được sử dụng để hỗ trợ chính quyền đô thị trong việc quyết định các biện pháp, giải pháp thực hiện mục tiêu phát triển đô thị thông minh bền vững.

- Tham khảo, áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 để đánh giá, công nhận đô thị thông minh nhằm thúc đẩy, khích lệ và công nhận những thành quả đạt được sau những nỗ lực phát triển của đô thị.

**2.2. Phạm vi áp dụng**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đô thị cấp huyện áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 để chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp phát triển đô thị thông minh; theo dõi, đánh giá mức độ phát triển của đô thị thông minh theo từng cấp độ.

2. Các cơ quan, tổ chức, Hội, Hiệp hội nghề nghiệp tham khảo, áp dụng để tổ chức đánh giá, công nhận đô thị thông minh theo các mục tiêu, mục đích, tôn chỉ hoạt động.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức liên quan áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 để nghiên cứu phát triển các sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển đô thị thông minh.

**III. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG VÀ CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN**

**3.1 Nguyên tắc áp dụng**

- Việc áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 dựa trên nguyên tắc tự nguyện.

- Đô thị có thể lựa chọn phát triển đô thị thông minh theo toàn bộ nhóm tiêu chí hoặc phát triển đô thị thông minh từng phần theo từng nhóm tiêu chí.

- Việc áp dụng các chỉ tiêu đánh giá theo mỗi cấp độ phát triển đô thị có thể thực hiện trên cơ sở tuần tự theo từng cấp độ hoặc theo từng tiêu chí ở các cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào thực trạng phát triển đô thị thông minh nhưng cần đảm bảo nguyên tắc ưu tiên hoàn thiện các tiêu chí theo cấp độ trưởng thành từ cấp độ 01 đến cấp độ 04.

**3.2 Các yêu cầu cơ bản**

Đô thị trước khi triển khai áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 cần đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu về phân loại đô thị được quy định tại Tiêu chí 5 Phụ lục 1 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị.

**III. NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ**

Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 được xây dựng dựa trên 03 trụ cột phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ gồm: (1) Quy hoạch đô thị thông minh; (2) Xây dựng và quản lý đô thị thông minh; (3) Tiện ích đô thị thông minh trên nền tảng là hệ thống cơ sở dữ liệu không gian đô thị.

1. Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 gồm có 66 tiêu chí được phân theo 17 nhóm tiêu chí đánh giá/04 cấp độ trưởng thành, cụ thể là:

- 04 Cấp độ trưởng thành đô thị thông minh:

+ Cấp độ 01: Áp dụng tiêu chí đô thị thông minh (12 tiêu chí)

+ Cấp độ 02: Xây dựng và phát triển đô thị thông minh (30 tiêu chí)

+ Cấp độ 03: Phát triển đô thị thông minh tiên phong (54 tiêu chí)

+ Cấp độ 04: Tầm nhìn phát triển đô thị thông minh bền vững (66 tiêu chí)

- 17 nhóm tiêu chí đánh giá đô thị thông minh gồm:

(1) Quy hoạch và quản lý xây dựng đô thị thông minh: 06 tiêu chí

(2) Giao thông: 11 tiêu chí

(3) Năng lượng: 07 tiêu chí

(4) Cấp nước sạch: 04 tiêu chí

(5) Thoát nước thải: 05 tiêu chí

(6) Chất thải rắn: 04 tiêu chí

(7) Môi trường và biến đổi khí hậu: 04 tiêu chí

(8) Y tế: 02 tiêu chí

(9) Giáo dục: 02 tiêu chí

(10) Viễn thông: 03 tiêu chí

(11) Quản trị: 03 tiêu chí

(12) Tài chính: 02 tiêu chí

(13) Kinh tế: 02 tiêu chí

(14) Văn hóa – Du lịch: 04 tiêu chí

(15) Dân cư và điều kiện xã hội: 02 tiêu chí

(16) An ninh, an toàn, cảnh báo rủi ro thiên tai: 03 tiêu chí

(17) Cơ sở dữ liệu: 02 tiêu chí

2. Sơ đồ thực hiện phát triển đô thị thông minh theo các cấp độ bao gồm 03 nhóm nội dung thực hiện: (1) Chính sách; (2) Hạ tầng số và dữ liệu số; (3) Chương trình, dự án. Trong đó bao gồm các nội dung thực hiện cụ thể để triển khai phát triển đô thị thông minh. Tùy theo cấp độ phát triển đô thị thông minh, nội dung thực hiện cần đạt được yêu cầu theo từng cấp độ từ 01 đến 04 (Chi tiết xem tại Phụ lục 01).

**V. KHUYẾN NGHỊ TRONG QUÁ TRÌNH ÁP DỤNG**

Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các đô thị cấp huyện cần xác định việc phát triển đô thị thông minh không phải là đích cuối cùng mà là một quá trình liên tục để thúc đẩy phát triển chất lượng đô thị ngày một tốt hơn phục vụ nhu cầu của người dân cũng như phù hợp với những tiến bộ xã hội theo các giai đoạn phát triển.

Các đô thị trước khi xây dựng định hướng, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị thông minh áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0 cần đánh giá thực trạng, nhu cầu, yêu cầu thực tế của đô thị để lựa chọn các nhóm tiêu chí, chỉ tiêu phát triển đô thị thông minh phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**PHỤ LỤC 01: Sơ đồ thực hiện phát triển đô thị thông minh theo các cấp độ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung thực hiện** | **CẤP ĐỘ 1**  **Áp dụng tiêu chí ĐTTM** | **CẤP ĐỘ 2**  **Xây dựng và phát triển ĐTTM** | **CẤP ĐỘ 3**  **Phát triển ĐTTM tiên phong** | **CẤP ĐỘ 4**  **Tầm nhin phát triển ĐTTM bền vững** |
| **Chính sách** | Chương trình, kế hoạch hành động phát triển đô thị thông minh | \* Xây dựng Đề án, Chương trình, Kế hoạch phát triển đô thị thông minh. | \* Triển khai các nhiệm vụ ưu tiên trong Đề án, Chương trình, Kế hoạch phát triển đô thị thông minh được phê duyệt. | \* Triển khai hầu hết (70-80%) các nhiệm vụ trong Đề án, Chương trình, Kế hoạch phát triển đô thị thông minh được phê duyệt. | \* Triển khai tất cả các nhiệm vụ trong Đề án, Chương trình, Kế hoạch phát triển đô thị thông minh được phê duyệt. \* Đánh giá hiệu quả thực hiện |
| Quản trị đô thị thông minh | \* Thí điểm thành lập cơ quan quản lý điều hành, quản trị đô thị thông minh. \* Ban hành quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý điều hành, quản trị đô thị thông minh. | \* Thí điểm tổ chức, thành lập các đơn vị chuyên trách thuộc cơ quan quản lý, quản trị đô thị thông minh. | \* Kết thúc thí điểm \* Chính thức thành lập cơ quan chuyên trách quản lý điều hành, quản trị đô thị thông minh. | \* Cơ quan chuyên trách quản lý điều hành, quản trị đô thị thông minh và các đơn vị trực thuộc. \* Ban hành các quy chế, quy tắc quản lý đô thị thông minh. |
| **Hạ tầng số và dữ liệu số** | Quản lý dữ liệu | \* Xây dựng và ban hành các quy định về quản lý dữ liệu mở. \* Ban hành quy định về danh mục dữ liệu tích hợp và dữ liệu chia sẻ. \* Thiết lập trung tâm tích hợp dữ liệu. | \* Áp dụng và thực hiện các quy định về quản lý dữ liệu mở. \* Tích hợp đồng bộ hóa dữ liệu. | \* Áp dụng và thực hiện các quy định về quản lý, tích hợp đồng bộ hóa dữ liệu. \* Hệ thống điều hành và báo cáo thông tin đô thị. | \* Áp dụng và thực hiện các quy định về quản lý, tích hợp đồng bộ hóa dữ liệu. \* Tự động hóa tích hợp cơ sở dữ liệu |
| Phân tích dữ liệu | \* Hiển thị các thông tin đô thị. | \* Hiển thị các thông tin đô thị. \* Hiển thị cảnh báo. | \* Hiển thị các thông tin đô thị. \* Hiển thị cảnh báo. \* Dự báo diễn biến có thể xảy ra. | \* Hiển thị các thông tin đô thị. \* Hiển thị cảnh báo. \* Dự báo diễn biến có thể xảy ra. \* Hướng dẫn, ra lệnh |
| Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) | \* Thiết lập trung tâm điều kiển. | \* Trung tâm điều khiển tích hợp. | \* Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) | \* Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) |
| Internet vạn vật (IoT) | \* Tích hợp IoT và kết nối | \* Tích hợp IoT theo các ngành, lĩnh vực | \* Mở rộng tích hợp IoT theo các ngành, lĩnh vực | \* IoT thế hệ mới |
| **Chương trình, dự án** | Phát triển đô thị thông minh theo các tiêu chí đánh giá đô thị thông minh | Thực hiện phát triển đô thị thông minh theo 12 tiêu chí đánh giá | Thực hiện phát triển đô thị thông minh theo 30 tiêu chí đánh giá | Thực hiện phát triển đô thị thông minh theo 54 tiêu chí đánh giá | Thực hiện phát triển đô thị thông minh theo 66 tiêu chí đánh giá |

**PHỤ LỤC 02: Đánh giá đô thị thông minh theo cấp độ phát triển**



**PHỤ LỤC 03: Tổng hợp danh mục các tiêu chí đô thị thông minh**

| **STT** | **Trụ cột phát triển ĐTTM** | **Nhóm tiêu chí** | **Tiêu chí đánh giá** | **Cấp độ phát triển ĐTTM** | **Kí hiệu** | **Cơ sở tham chiếu** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **QUY HOẠCH**  **ĐÔ THỊ THÔNG MINH** | **-1-**  **Quy hoạch và quản lý xây dựng đô thị** | Quy hoạch đô thị (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết) được lập trên nền tảng GIS | Cấp độ 1 | QH-01 | Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 |
| 2 | Hệ thống quản lý quy hoạch và phát triển đô thị trên nền GIS | Cấp độ 1 | QH-02 | Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 |
| 3 | Giấy phép xây dựng được nhận thông qua hệ thống đệ trình điện tử | Cấp độ 2 | QH-04 | Tiêu chuẩn số 21.2  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 4 | Áp dụng BIM trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với các công trình xây dựng mới | Cấp độ 2 | QH-03 | Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 |
| 5 | Khu đô thị được đầu tư xây dựng có ứng dụng các công nghệ ICT vào quản trị vận hành | Cấp độ 3 | QH-05 | Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 |
| 6 | Áp dụng công cụ hỗ trợ ra quyết định (DSS) trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị | Cấp độ 4 | QH-06 | Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 |
| 7 | **QUẢN LÝ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH** | **-2-**  **Giao thông** | Các đường phố được phủ bởi các cảnh báo và thông tin giao thông trực tuyến theo thời gian thực | Cấp độ 1 | GT-01 | Tiêu chuẩn số 19.1  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 8 | Dịch vụ chia sẻ xe đạp | Cấp độ 2 | GT-02 | Tiêu chuẩn số 19.4  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 9 | Hệ thống giao thông công cộng có thể truy cập trực tuyến theo thời gian thực | Cấp độ 2 | GT-03 | Tiêu chuẩn số 19.5  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 10 | Bản đồ cảnh báo và thông tin giao thông trực tuyến theo thời gian thực | Cấp độ 2 | GT-04 | Tiêu chuẩn số 19.10  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 11 | Mạng lưới vận tải công cộng đô thị được phủ bởi hệ thống thanh toán thống nhất | Cấp độ 2 | GT-05 | Tiêu chuẩn số 19.6  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 12 | Hệ thống đèn tín hiệu giao thông thông minh | Cấp độ 3 | GT-06 | Tiêu chuẩn số 19.9  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 13 | Xe buýt đô thị điều khiển bằng động cơ điện | Cấp độ 3 | GT-07 | Tiêu chuẩn số 19.14  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 14 | Các tuyến giao thông đô thị cung cấp kết nối internet miễn phí cho hành khách | Cấp độ 3 | GT-08 | Tiêu chuẩn số 19.12  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 15 | Số lượng phương tiện giao thông đô thị là phương tiện có mức phát thải thấp | Cấp độ 3 | GT-09 | Tiêu chuẩn số 19.3  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 16 | Bãi đỗ xe trang bị hệ thống thanh toán điện tử | Cấp độ 3 | GT-10 | Tiêu chuẩn số 19.7  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 17 | Bãi đỗ xe công cộng được trang bị hệ thống khả dụng theo thời gian thực | Cấp độ 4 | GT-11 | Tiêu chuẩn số 19.8  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 18 | **-3-**  **Năng lượng** | Chiếu sáng đường phố được quản lý bởi hệ thống quản lý hiệu suất ánh sáng | Cấp độ 1 | NL-01 | Tiêu chuẩn số 7.6  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 19 | Số trạm sạc xe điện trên số xe điện đã đăng ký | Cấp độ 2 | NL-02 | Tiêu chuẩn số 7.10  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 20 | Tòa nhà trong đô thị sử dụng đồng hồ đo năng lượng thông minh | Cấp độ 2 | NL-03 | Tiêu chuẩn số 7.9  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 21 | Điện năng đô thị được sản xuất bằng cách sử dụng hệ thống sản xuất điện năng phân tán | Cấp độ 3 | NL-04 | Tiêu chuẩn số 7.4  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 22 | Khả năng trữ của lưới năng lượng của đô thị trên tổng lượng tiêu thụ năng lượng của đô thị | Cấp độ 3 | NL-05 | Tiêu chuẩn số 7.5  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 23 | Năng lượng điện và nhiệt (GJ) được sản xuất từ xử lý nước thải bình quân đầu người mỗi năm | Cấp độ 4 | NL-06 | Tiêu chuẩn số 7.2  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 24 | Điện năng và nhiệt năng (GJ) được sản xuất từ xử lý chất thải rắn và chất thải lỏng khác bình quân đầu người mỗi năm | Cấp độ 4 | NL-07 | Tiêu chuẩn số 7.3  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 25 | **-4-**  **Cấp nước sạch** | Mạng lưới phân phối nước đô thị được giám sát bởi một hệ thống nước thông minh | Cấp độ 1 | CN-01 | Tiêu chuẩn số 23.3 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 26 | Tòa nhà trong đô thị có đồng hồ đo nước thông minh | Cấp độ 2 | CN-02 | Tiêu chuẩn số 23.4 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 27 | Nước uống được theo dõi bởi trạm theo dõi chất lượng nước theo thời gian thực | Cấp độ 2 | CN-03 | Tiêu chuẩn số 23.1  - TCVN ISO 37122:2020 |
| 28 | Số lượng trạm giám sát chất lượng môi trường nước dựa theo thời gian thực trên 100.000 dân cư | Cấp độ 4 | CN-04 | Tiêu chuẩn số 23.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 29 | **-5-**  **Thoát nước thải** | Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | Cấp độ 1 | TNT-01 | Tiêu chuẩn số 1.III.2 Bảng 5A Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 |
| 30 | Nước thải được tái sử dụng | Cấp độ 2 | TNT-02 | Tiêu chuẩn số 22.1 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 31 | Bùn thải được tái sử dụng | Cấp độ 3 | TNT-03 | Tiêu chuẩn số 22.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 32 | Mạng lưới đường ống nước thải được giám sát bởi hệ thống cảm biến theo dõi dữ liệu thời gian thực | Cấp độ 3 | TNT-04 | Tiêu chuẩn số 22.5 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 33 | Nước thải trong đô thị được sử dụng để tạo ra năng lượng | Cấp độ 4 | TNT-05 | Tiêu chuẩn số 22.4 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 34 | **-6-**  **Chất thải rắn** | Chất thải rắn đô thị được tái chế | Cấp độ 1 | CTR-01 | Tiêu chuẩn số 16.3 - TCVN ISO 37120:2017 |
| 35 | Rác thải nhựa được tái chế trong đô thị | Cấp độ 2 | CTR-02 | Tiêu chuẩn số 16.4 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 36 | Rác thải điện và điện tử trong đô thị được tái chế | Cấp độ 3 | CTR-03 | Tiêu chuẩn số 16.6 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 37 | Chất thải trong đô thị được sử dụng để tạo ra năng lượng | Cấp độ 4 | CTR-04 | Tiêu chuẩn số 16.3 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 38 | **-7-**  **Môi trường và biến đổi khí hậu** | Hệ thống quan trắc không khí theo thời gian thực | Cấp độ 1 | MT-01 | Tiêu chuẩn số 8.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 39 | Phát thải khí nhà kính tính theo tấn trên đầu người | Cấp độ 3 | MT-02 | Tiêu chuẩn số 8.3 - TCVN ISO 37120:2017 |
| 40 | Công trình công cộng trang bị thiết bị theo dõi chất lượng không khí trong nhà | Cấp độ 3 | MT-03 | Tiêu chuẩn số 8.3 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 41 | Thay đổi tỷ lệ phần trăm số lượng loài bản địa | Cấp độ 4 | MT-04 | Tiêu chuẩn số 8.8 - TCVN ISO 37120:2017 |
| 42 | **-8-**  **Y tế** | Dân cư đô thị có hồ sơ y tế hợp nhất trực tuyến | Cấp độ 1 | YT-01 | Tiêu chuẩn số 11.1 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 43 | Khám bệnh từ xa | Cấp độ 3 | YT-02 | Tiêu chuẩn số 11.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 44 | **-9-**  **Giáo dục** | Tỷ số học sinh/giáo viên ở bậc giáo dục tiểu học | Cấp độ 1 | GD-01 | Tiêu chuẩn số 6.4 - TCVN ISO 37120:2017 |
| 45 | Số lượng máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng hoặc các thiết bị học tập kỹ thuật số khác sẵn dùng trên mỗi 1000 học sinh | Cấp độ 4 | GD-02 | Tiêu chuẩn số 6.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 46 | **-10-**  **Viễn thông** | Dân cư đô thị truy cập băng rộng tốc độ thích hợp | Cấp độ 1 | VT-01 | Tiêu chuẩn số 18.1 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 47 | Khu vực đô thị thuộc vùng trắng/điểm chết/không được phủ kết nối viễn thông | Cấp độ 3 | VT-02 | Tiêu chuẩn số 18.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 48 | Đô thị có kết nối internet công cộng | Cấp độ 4 | VT-03 | Tiêu chuẩn số 18.3 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 49 | **CÁC TIỆN**  **ÍCH ĐÔ THỊ THÔNG MINH** | **-11-**  **Quản trị** | Hệ thống tiếp nhận phản ánh, yêu cầu của dân cư trực tuyến | Cấp độ 2 | QT-01 | Tiêu chuẩn số 10.3 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 50 | Các dịch vụ đô thị có thể truy cập trực tuyến | Cấp độ 3 | QT-02 | Tiêu chuẩn số 10.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 51 | Thời gian dừng hoạt động trung bình của cơ sở hạ tầng CNTT của đô thị | Cấp độ 3 | QT-03 | Tiêu chuẩn số 10.4 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 52 | **-12-**  **Tài chính** | Dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử | Cấp độ 2 | TC-01 | Chỉ tiêu số 11, Phụ lục 01, Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 |
| 53 | Các thanh toán cho đô thị được thanh toán bằng điện tử dựa trên hóa đơn điện tử | Cấp độ 3 | TC-02 | Tiêu chuẩn số 9.2 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 54 | **-13-**  **Kinh tế** | Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đô thị có chính sách dữ liệu mở | Cấp độ 3 | KT-01 | Tiêu chuẩn số 5.1 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 55 | Lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực CNTT và truyền thông | Cấp độ 4 | KT-02 | Tiêu chuẩn số 5.3 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 56 | **-14-**  **Văn hóa - Du lịch** | Ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh | Cấp độ 3 | VHDL-01 | Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL ngày 21/12/2022 |
| 57 | Phát triển thẻ du lịch đa năng tích hợp sử dụng các dịch vụ du lịch và thanh toán điện tử | Cấp độ 3 | VHDL-02 | Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL ngày 21/12/2022 |
| 58 | Số lượng sách và đầu sách điện tử của thư viện công cộng trên 100.000 dân | Cấp độ 3 | VHDL-03 | Chỉ số số 17.3 ISO 37122:2019 |
| 59 | Hồ sơ di sản, văn hóa của đô thị đã được số hóa | Cấp độ 4 | VHDL-04 | Chỉ số số 17.2 ISO 37122:2019 |
| 60 | **-15-**  **Dân cư và điều kiện xã hội** | Công trình công cộng đô thị đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận dành cho người khuyết tật | Cấp độ 2 | DC-01 | Tiêu chuẩn số 13.1 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 61 | Các lối đi qua đường được đánh dấu dành cho người đi bộ được trang bị các tín hiệu tiếp cận | Cấp độ 3 | DC-02 | Tiêu chuẩn số 13.3 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 62 | **-16-**  **An ninh, an toàn, cảnh báo rủi ro thiên tai** | Khu vực đô thị được lắp camera giám sát kỹ thuật số | Cấp độ 2 | ANAT-01 | Tiêu chuẩn số 15.1 - TCVN ISO 37122:2020 |
| 63 | Ứng dụng ICT trong quản lý hệ thống trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng | Cấp độ 2 | ANAT-02 | Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT |
| 64 | Hệ thống ICT về thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ | Cấp độ 3 | ANAT-03 | Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 |
| 65 | **CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐÔ THỊ THÔNG MINH** | **-17-**  **Cơ sở dữ liệu** | Thiết lập hệ thống quản lý và dữ liệu nền tảng GIS | Cấp độ 1 | CSDL-01 | Văn bản số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022 của Bộ Xây dựng |
| 66 | Tích hợp các thông tin dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý đô thị, phát triển các tiện ích đô thị trên nền GIS | Cấp độ 2 | CSDL-02 | Văn bản số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022 của Bộ Xây dựng |